

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 936/STC-GCSĐT

Ninh Thuận, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Về việc đưa thông tin lựa chọn đơn vị tổ chức bán đấu giá tài sản thanh lý.

Kính gửi: Sở Thông tin Truyền thông

Căn cứ Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc thanh lý xe ô tô dung chung của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v thanh lý 12 xe ô tô chuyên dùng của Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận; Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v thanh lý tàu kiểm ngư VN-90996-KN của Chi cục Thủy sản;

Theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản, Sở Tài chính gửi thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức bán đấu giá tài sản thanh lý của các cơ quan (kèm theo danh mục), đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh.

Sở Tài chính báo đề Sở Thông tin và Truyền thông biết quan tâm phối hợp./.

(Đính kèm Thông báo số 912/TB-STC ngày 26/3 của Sở Tài chính).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu: VT, GCSĐT_(HUS)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Công Bình

Số 912 /TB-STC

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản thanh lý của các cơ quan đơn vị.

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc thanh lý xe ô tô dung chung của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v thanh lý 12 xe ô tô chuyên dùng của Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v thanh lý tàu kiểm ngư VN-90996-KN của Chi cục Thủy sản;

Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản thanh lý như sau:

1. Cơ quan có tài sản đấu giá: Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Địa chỉ: số 30 đường 16 tháng 4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

2. Tên tài sản, giá khởi điểm tài sản bán đấu giá:

2.1. Tên tài sản: 35 xe ô tô của 22 cơ quan (kèm theo danh mục); giá khởi điểm tài sản: 2.153.435.000 đồng (Hai tỷ một trăm năm mươi ba triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng chẵn).

2.2. Tên tài sản: 12 xe ô tô chuyên dùng của Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận; giá khởi điểm tài sản: 109.500.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu năm trăm ngàn đồng chẵn).

2.3. Tên tài sản: tàu kiểm ngư VN-90996-KN của Chi cục Thủy sản; giá khởi điểm tài sản: 25.492.247 đồng (Hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi hai ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng)

3. Tiêu chí lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản.

Các đơn vị tổ chức đấu giá tài sản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và các tiêu chí khác phù hợp với tài sản, cụ thể như sau:

Tiêu chí bắt buộc: Đơn vị tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng 100% các tiêu chí bắt buộc mới được đưa vào đánh giá về điểm. Trường hợp không đạt một trong số các tiêu chí bắt buộc thì bị đánh giá là không đạt và bị loại.

Tiêu chí chấm điểm: Đơn vị tổ chức đấu giá tài sản nào có tổng điểm cao nhất được xếp hạng thứ nhất sẽ được lựa chọn và mời đàm phán ký kết hợp đồng. Trường hợp đàm phán không thành thì đơn vị tổ chức đấu giá tài sản xếp thứ hạng tiếp theo được mời đàm phán ký kết hợp đồng.

(Đính kèm bảng tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá)

4. Hồ sơ, tài liệu, thời gian, địa điểm nhận hồ sơ.

- Hồ sơ yêu cầu (theo nội dung Bảng tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản kèm theo)

Hồ sơ, tài liệu tham gia lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá đóng thành tập riêng biệt và đóng dấu giáp lai; hồ sơ nộp 03 bộ (01 bản gốc và 02 bản sao).

- Thời gian: Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá trong thời hạn 05 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày thông báo (hồ sơ nộp theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện kể từ ngày thông báo).

- Địa điểm: Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận, số 30 đường 16 tháng 4, phường Kinh dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

(Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được chọn).

Các đơn vị tổ chức đấu giá có nhu cầu tìm hiểu thông tin chi tiết vui lòng liên hệ phòng Quản lý Giá công sản và Tài chính đầu tư, ĐT: 02593.825131 hoặc trang thông tin điện tử: <http://dgts.moj.gov.vn>; <http://taisancong.vn>; <http://www.ninhthuan.gov.vn>; <http://www.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/sotc>.

Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận thông báo để các đơn vị tổ chức đấu giá biết đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh Ninh Thuận, Cổng thông tin đấu giá tài sản Quốc gia (Đăng thông tin);
- VP Sở Tài chính (ph/hợp đăng tin)
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu VT, GCSĐT.

(HUS)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Nhựt

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số 912 /TB-STC ngày 26/3/2021
của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận)

TT	Hồ sơ yêu cầu	Nội dung tiêu chí lựa chọn	Bắt buộc	Ghi chú
A	Tiêu chí bắt buộc:		Bắt buộc	
1	Có tên trong danh sách các đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá tài sản do Bộ Tư Pháp hoặc Sở tư pháp Ninh Thuận công bố theo quy định	Có tên trong danh sách	X	
B	Tiêu chí chấm điểm lựa chọn tổ chức đầu giá:		Chấm điểm	
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đầu giá		Số điểm	Điểm tối đa
1	Có văn phòng chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Địa chỉ đăng ký kinh doanh Không có	3,5 0	3,5
		- Có hội trường; đầy đủ trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đầu giá	3,5	
		- Có đưa ra phương án bảo đảm an ninh, an toàn cho cuộc đầu giá.	2	
		- Có phương án dự kiến số lượng khách hàng tham gia đầu giá để đề xuất địa điểm tổ chức đầu giá cho phù hợp với số lượng khách hàng tham gia đầu giá.	2	
2	Địa điểm tổ chức đầu giá tài sản	Không đạt được một trong các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, cụ thể: - Không có đầy đủ trang thiết bị phục vụ đầu giá. - Không đưa ra phương án bảo đảm an ninh, an toàn cho cuộc đầu giá.	0	7,5



		- Không đưa ra phương án dự kiến số lượng khách hàng tham gia đấu giá để đề xuất địa điểm tổ chức đấu giá cho phù hợp với số lượng khách hàng tham gia đấu giá.	12	12
II	Phương án đấu giá khử thi, hiệu quả			
	Xây dựng phương án đấu giá khử thi, đảm bảo việc đấu giá được thực hiện công khai, liên tục, khách quan, trung thực, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia; việc đấu giá tài sản phải đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.	Có	2	2
	- Các bước thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch theo Điều 9, khoản 6 Điều 33, Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.	Có	2	2
1	- Thẻ hiện công tác phối hợp giữa đơn vị có tài sản và tổ chức thực hiện đấu giá. - Thẻ hiện được vai trò giám sát quá trình tổ chức thực hiện đấu giá của đơn vị có tài sản đấu giá (đảm bảo người có tài sản đấu giá thực hiện đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều 47 Luật Đấu giá tài sản năm 2016), đặc biệt trong giám sát việc bảo mật thông tin của người đăng ký tham gia đấu giá; thu, trả tiền đặt trước; trình tự, thủ tục đấu giá do các tổ chức đấu giá thực hiện.	Có	1,5	1,5
	Phương án bảo mật thông tin của người đăng ký tham gia đấu giá tài sản, khách hàng trúng đấu giá tài sản và bảo đảm quyền lợi của người có tài sản	Có	1,5	1,5
2	Phương án phòng tránh việc thông đồng, móc nối để đim giá tài sản đấu giá (từ lúc tiếp nhận hồ sơ khách hàng đăng ký tham gia đấu giá tới lúc kết thúc tổ chức cuộc đấu giá).	Có	1,5	1,5

	Phương án đảm bảo an ninh trong quá trình tổ chức đấu giá tài sản.		Có	1,5	1,5		
III Hệ thống thông tin phục vụ đấu giá tài sản							
1	Đăng thông tin tổ chức đấu giá trên cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản của Bộ Tư Pháp			5	5		
2	Đăng thông tin tổ chức đấu giá trên cổng thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính			1	1		
3	Đăng thông tin tổ chức đấu giá trên cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận			1	1		
4	Đăng thông tin tổ chức đấu giá trên trang thông tin điện tử của đơn vị tổ chức đấu giá			1	1		
5	Thông báo, niêm yết công khai thông tin tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 35, 57, 58 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.			1	1		
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên			50	50		
			Từ 03 năm trở lên	8	8		
			Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm	6	6		
1	Tổ chức đấu giá có thời gian hoạt động liên tục từ 03 năm trở lên.		Từ 01 năm trở xuống	2	2		
			Có từ 03 đấu giá viên trở lên	8	8		
			Có 02 đấu giá viên	5	5		
2	Số lượng đấu giá viên hành nghề tại đơn vị.		Có 01 đấu giá viên	2	2		
			Đấu giá viên hành nghề từ 05 năm trở lên	6	6		
			Đấu giá viên hành nghề dưới 05 năm	5	5		
3	Kinh nghiệm hành nghề đấu giá viên hành nghề tại đơn vị		Có 02 đấu giá viên trở lên (mỗi đấu giá viên điều hành từ 05 cuộc đấu giá trở lên trong vòng 01 năm)	6	6		
			Có 01 đấu giá viên trở lên (mỗi đấu giá viên điều hành từ 05 cuộc đấu giá trở lên trong vòng 01 năm)	3	3		
4	Năng lực kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề tại đơn vị		Có giá trị hợp đồng trên 500 triệu đồng	11	11		
			Có giá trị hợp đồng từ 300 triệu đồng đến 500 triệu đồng	8	8		
5	Số lượng hợp đồng đấu giá thành công từ năm 2018 đến hiện tại		Có giá trị hợp đồng dưới 300 triệu	5	5		

6	Đã tổ chức thành các cuộc đấu giá trước ngày nộp hồ sơ mà có chênh lệch giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (chọn chấm một trong các tiêu chí)	Chênh lệch trên 20% so với tổng giá khởi điểm Chênh lệch 10% đến 20% so với tổng giá khởi điểm Chênh lệch 5% đến 10% so với tổng giá khởi điểm Chênh lệch dưới 5% so với tổng giá khởi điểm	11 10 4 3 20	11 10 4 3 20
V	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá phù hợp (Ưu tiên mức thù lao dịch vụ đấu giá thấp)	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài Chính	20	20
VI	Tiêu chí khác	Có cam kết khác	2	2
1	Thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định đối với đơn vị tổ chức đấu giá	Đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định tại đơn vị.	0,5	0,5
2	Hồ sơ tham gia lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá phải xây dựng các tiêu chí lựa chọn riêng biệt ký đóng dấu từ tiêu chí một; đóng thành tập theo thứ tự quy định nêu trên và có phụ lục kèm theo	Có tiêu chí lựa chọn riêng biệt, thứ tự hồ sơ, phụ lục kèm theo	1	1
3	Các tài liệu đáp ứng các tiêu chí trên phải đóng thành quyển, trong đó các văn bản do đơn vị phát hành phải ký, đóng dấu đỏ; Các văn bản pháp lý như Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chứng chỉ hành nghề đấu giá/ thẻ đấu giá viên, hợp đồng lao động của các nhân sự tham gia tổ chức đấu giá... phải là bản sao chứng thực; có danh sách liệt kê các hợp đồng đấu giá đã và đang thực hiện theo các tiêu chí nêu trên; đóng kèm bản chụp sao y bản chính các hợp đồng trong tự đã thực hiện.	Không có tiêu chí lựa chọn riêng biệt, thứ tự hồ sơ, phụ lục kèm theo	0,5	0,5
4			0	0
Tổng thang điểm:			100	100

Ghi chú:

A- Bảng A: Tiêu chí bắt buộc: Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá phải có văn bản và kèm theo công văn của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp.

B- Bảng B: Tiêu chí chấm điểm lựa chọn tổ chức đấu giá:

I. Số thứ tự 1: Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá

1. Số thứ tự 1: Đơn vị thực hiện bán đấu giá phải cung cấp hồ sơ và chứng minh địa chỉ văn phòng chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giấy phép đăng ký kinh doanh (các hồ sơ, tài liệu để chứng minh phải được đóng dấu giáp lai).

2. Số thứ tự 2: Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá phải cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để chứng minh cơ sở vật chất thuộc quyền sở hữu hoặc được phép sử dụng sẽ dùng để tổ chức đấu giá tài sản (các hồ sơ, tài liệu để chứng minh phải được đóng dấu giáp lai); có bãi giữ xe rộng rãi, đảm bảo an ninh và bảo vệ tài sản của khách hàng tham gia đấu giá (thuộc quyền sở hữu hoặc được phép sử dụng); có đưa ra phương án bảo đảm an ninh, an toàn cho cuộc đấu giá; có phương án dự kiến số lượng khách hàng tham gia đấu giá để đề xuất địa điểm tổ chức đấu giá cho phù hợp với số lượng khách hàng tham gia đấu giá.

II. Số thứ tự 2: Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Số thứ tự 1, 2: Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá phải đề xuất phương án đấu giá (đúng quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu của đơn vị có tài sản khả thi, hiệu quả, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan, biện pháp bảo mật thông tin của người tham gia đấu giá; có cam kết tiến độ thực hiện hoàn thành việc đấu giá tài sản, phải được đại diện hợp pháp của đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá ký tên và đóng dấu);

* **Chú ý:** phải xây dựng phương án đấu giá theo từng tiêu chí riêng biệt tại số thứ tự 1, 2 ký tên và đóng dấu.

III. Số thứ tự 3: Hệ thống thông tin phục vụ đấu giá tài sản

- Số thứ tự 1, 2, 3, 4: Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá có văn bản cam kết có đăng thông tin tổ chức đấu giá trên công thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản của Bộ Tư Pháp, công thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính, công thông tin điện tử thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, trang thông tin điện tử của đơn vị tổ chức đấu giá và kèm theo hồ sơ chứng minh có đăng thông tin.

- Số thứ tự 5: Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá có văn bản cam kết thực hiện các thông báo, niêm yết công khai thông tin tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 35, 57, 58 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và đính kèm hồ sơ chứng minh.

IV. Số thứ tự 4: Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên

- Số thứ tự 1: Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá phải cung cấp giấy đăng ký hoạt động (sao y công chứng).

- Số thứ tự 2, 3: Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá phải cung cấp bảng liệt kê số lượng Đấu giá viên hành nghề tại đơn vị (bảng liệt kê phải được đại diện hợp pháp của đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá ký tên, đóng dấu), thẻ đấu giá viên và bản sao y công chứng Thẻ đấu giá viên tổ chức thành công các cuộc bán đấu giá (các hồ sơ, tài liệu phải được đóng dấu giáp lai).

- Số thứ tự 4: Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá phải cung cấp] bảng liệt kê từng đấu giá viên điều hành từ 05 cuộc đấu giá thành trở lên trong vòng một năm và đính kèm biên bản tổ chức đấu giá thành (các hồ sơ, tài liệu phải được sao y công chứng).

- Số thứ tự 5: Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá phải cung cấp bảng liệt kê và bản sao hợp đồng đấu giá thành công (các hồ sơ, tài liệu phải được sao y công chứng).

- Số thứ tự 6: Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá phải cung cấp bảng liệt kê tỷ lệ % tăng thêm so với giá khởi điểm và đính kèm biên bản tổ chức đấu giá thành ác hồ sơ, tài liệu phải được sao y công chứng).



V. Số thứ tự V: Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá phù hợp

Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá phải chào thầu lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản (được đại diện hợp pháp của đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá ký tên và đóng dấu).

Mức thù lao dịch vụ tính theo từng thang điểm tối đa và tối thiểu theo từng mức thù lao mà đơn vị chào giá dịch vụ.

Mức thù lao dịch vụ đấu giá tối đa: tương ứng từng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm không vượt quá 300.000.000 đồng/1 hợp đồng (theo quy định tại khoản b, Điều 3 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính).

Mức thù lao dịch vụ đấu giá tối thiểu: không được nhỏ hơn mức thù lao tối thiểu 1.000.000 đồng/1 hợp đồng (theo quy định tại khoản a, Điều 3 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính).

VI. Số thứ tự VI: Tiêu chí khác

- **Số thứ tự 1:** Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá có các cam kết khác ngoài các tiêu chí nêu trên (nếu có).

- **Số thứ tự 2:** Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá phải thực hiện đầy đủ các chế độ như đóng Bảo hiểm nghề nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm khác ... theo quy định và kèm theo các tài liệu chứng minh cụ thể (các hồ sơ, tài liệu phải được sao y công chứng).

- **Số thứ tự 3:** Hồ sơ tham gia lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá phải xây dựng các tiêu chí lựa chọn riêng biệt ký đóng dấu từng tiêu chí một; đóng thành tập theo thứ tự quy định nêu trên và có phụ lục kèm theo

*** Trường hợp có nhiều hồ sơ bằng điểm nhau thì hồ sơ được chọn theo thứ tự ưu tiên sau đây:**

a. Ưu tiên 1: Hồ sơ có tổng điểm của các tiêu chí về Năng lực, kinh nghiệm và uy tín tổ chức đấu giá tài sản cao hơn.

b. Ưu tiên 2: Hồ sơ có tổng điểm của các tiêu chí về Phương án đấu giá chi tiết, khả thi, hiệu quả của tổ chức đấu giá tài sản cao hơn.

c. Ưu tiên 3: Hồ sơ có tổng điểm của các tiêu chí Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp của tổ chức đấu giá tài sản cao hơn.



Danh mục

Xe ô tô dùng chung đời dự thực hiện thanh lý theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ

STT	Tên đơn vị	Loại xe	Hiệu xe	Biển kiểm soát	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số chủ người	Nguyên giá theo SSKT	Giá trị còn lại theo SSKT	Số máy	Số khung	Tỷ lệ % đánh giá lại	Giá trị định giá (giá khởi điểm)	Ghi chú
1	Cấp tỉnh														
1	Tỉnh ủy														
1.1	Văn phòng Tỉnh ủy	ô tô con	Mitsubishi Pajero	85P-0051	Nhật	1995	1995	7	421.810.000	0	4G54KW-9686	DHNV320R102098	16%	68.000.000	
1.2	Bảo Ninh Thuận	ô tô khách	Toyota Hiace	85F-0079	VN	1999	1999	15	435.159.000	0	1RZ-2219731	RZH14-9005324	Hết hạn SD	8.000.000	
2	Ủy ban nhân dân tỉnh	ô tô con	Mazda 323	85P-0197	VN	1997	1997	4	350.224.000	0	B6-585254	BA1163-MH-000035	30%	60.000.000	
2.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân	ô tô con	Ford B4Y-CJBB	85P-0468	VN	2005	2006	5	733.950.000	0	CJBBB01904	FVLLA1MRB45B01904	26%	70.000.000	
2.2	Các Sở, ban, ngành	ô tô khách	Toyota Hiace	85F-0126	VN	2006	2006	16	659.690.500	0	2TR-6237786	JTFRX12P409000508	22%	60.000.000	
1	Sở Nông nghiệp và PTNT														
1.1	VP.Sở Nông nghiệp và PTNT	ô tô con	Ford Escape	85P-0302	VN	2002	2003	5	540.691.000	0	AJ-264305	FVLFHMBERP2M00751	25%	120.000.000	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư														
2.1	Văn phòng phát triển kinh tế	ô tô con	Mazda 626	85P-0287	VN	2001	2001	5	421.839.932	0	FS-900671	GF22S1MH-000755	20%	80.000.000	
3	Sở Khoa học và công nghệ														
3.1	VP.Khoa học và Công nghệ	ô tô con	Mitsubishi Jolite	85A-00228	VN	2003	2003	8	357.000.000	0	4G63V-Z04351	RLA00VB2W31001951	28%	90.000.000	
3.2	TTUDTB Khoa học & Kỹ thuật	ô tô con	Toyota Zace	85A-02980	VN	2002	2002	8	314.677.600	0	7K-0552622	KE-36904498	18%	62.000.000	
4	Sở Xây dựng														
4.1	Thanh tra Sở xây dựng	ô tô khách	Toyota Hiace	85A-001.33	VN	2003	2003	12	471.932.386	73.138.168	2RZ-3022543	RZH115-3000671	14%	58.510.000	
5	Sở Giao thông vận tải														
5.1	Trung tâm Đăng kiểm xe XGDB	ô tô con	Ford Laser	85Y-0360	VN	2003	2003	5	369.522.143	0	FP-861871	JSTYXXXSRNC3Y03484	15%	75.000.000	
6	Sở Giáo dục - Đào tạo														
6.1	Văn phòng Sở	ô tô con	Mazda 626	85P-0278	Nhật	2001	2001	4	400.000.000	0	FS-889863	GF22S1MH000727	20%	80.000.000	
6.2	Trung tâm GDTX-HN	ô tô con	Toyota Zace	85P-0304	VN	2002	2003	8	317.619.480	0	7K-0550321	KE3-690443	34%	107.000.000	
6.3	Sở Lao động -TBXH														
7	Văn phòng sở														
7.1	Sở Văn hóa thể thao và du lịch	ô tô khách	Toyota Hiace	85P-0088	VN	2000	2000	16	356.869.000	0	1RZ-2434379	RZH114-9006629	Hết hạn SD	8.075.000	
8	Văn phòng sở														
8.1	Văn phòng sở	ô tô con	Toyota Corolla	85P-0458	VN	2006	2006	5	525.419.000	0	1ZZ-4520966	ZZE122-7507577	48%	190.000.000	
8.2	Tung tâm HL&TĐDTT	ô tô khách	Hyundai Chorus	85F-0063	Hàn	1993	1998	25	116.864.000	0	D4AFPO53087	KMJGDI7EPPU003597	Hết hạn SD	15.000.000	
8.4	Sở Nội vụ	ô tô khách	Mazda E2000	85F-0040	Nhật	1994	1994	11	291.800.000	0	938882	SRXOE2MH000206	Hết hạn SD	2.850.000	
9	Văn phòng sở														
9.1	Sở Y tế	ô tô con	Mitsubishi Jolite	85A-002.25	VN	2003	2003	8	357.000.000	0	4G63V-Z04295	RLA00VB2W31001865	25%	85.000.000	
10	Chi cục DSKHHCĐ	ô tô con	Toyota Landcruiser	85P-0181	Nhật	1997	1997	9	685.366.436	0	1FZ-0321834	FZ180-0181817	29%	70.000.000	
11	Đài Phát thanh Truyền hình														

(Đơn vị tính: đờ)

STT	Tên đơn vị	Loại xe	Hãng xe	Biển kiểm soát	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số chủ ngồi	Nguyên giá theo SSKT	Giá trị còn lại theo SSKT	Số máy	Số khung	Tỷ lệ % đánh giá lại	Giá trị định giá (giá khởi điểm)	Ghi chú
11.1	Văn phòng Đại phát thanh và truyền hình	ô tô khách	UAZ (Ukraine)	83P-0362	Nga	2007	2007	5	338.100.037	0	*41780B*51101233*	AB06001061	11%	30.000.000	
11.2		ô tô khách	Toyota Hiace	85F-0099	VN	1999	2000	12	380.099.400	0	1RZ-2228064	RZH114-9005377	Hết hạn SD	8.000.000	
12	Ban Dân tộc	ô tô con	SsangYong Musso	85P-0229	VN	2001	2001	7	472.919.500	0	7000002799E10,4	1029020	30%	70.000.000	
13	Trường Chính trị tỉnh	ô tô khách	Toyota Hiace	85A-000.34	VN	2001	2001	16	396.924.950	0	1RZ-2605166	RZH114-5000752	18%	42.000.000	
14	UBND huyện thành phố UBND huyện Thuận Bắc	ô tô con	Mazda 626	85A-00132	Nhật	1997	1997	4	452.757.000	0	FS263316	GE10S2-MH-000827	17%	70.000.000	
15	UBND huyện Ninh Sơn	ô tô con	Mazda 323	85A-00178	Nhật	1997	2000	5	297.928.260	0	B6DP-005078	BA1163MH000564	10%	40.000.000	
15.1	Văn phòng UBND và Văn phòng UBND	ô tô khách	Toyota Hiace	85A-00255	VN	2002	2003	15	356.735.000	0	2RZ-2947404	RZH115-3000311	23%	70.000.000	
16	UBND huyện Bắc Ái	ô tô con	Ford Laser	85P-0313	VN	2002	2003	5	523.340.000	0	FP-823477	JS7XXXSRNC2A02817	12%	60.000.000	
17	UBND huyện Ninh Hải	ô tô con	Mazda 323	85A-00037	Nhật	1997	1999	5	318.080.000	0	B6DP-005296	BA1163MH000621	26%	75.000.000	
17.1	Văn phòng UBND	ô tô khách	Toyota Hiace	85F-0097	VN	2001	2001	16	398.893.000	0	1RZ-2591320	RZH114-5000643	20%	50.000.000	
18	UBND TP.PRTC	ô tô khách	Toyota Hiace	85F-0090	Nhật	1999	1999	12	384.790.600	0	1RZ2209435	RZH114-9005265	Hết hạn SD	8.000.000	
18.1	Văn phòng cấp ủy và chính quyền	ô tô khách	Toyota Hiace	85F-0108	VN	2001	2002	16	370.164.900	0	1RZ-2700330	RZH114-5001314	24%	60.000.000	
18.2	Các Hội, Đoàn thể	ô tô con	SsangYong Musso	85P-0272	VN	2001	2002	7	479.921.000	0	000-002808E10,4	10209023	30%	70.000.000	
19	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	ô tô con	Toyota Zace	85P-0247	Nhật	2001	2001	8	328.936.400	0	7K-0422520	KF3-6901994	30%	116.000.000	

STT	Tên đơn vị	Loại xe	Hiệu xe	Biển kiểm soát	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Số chỗ ngồi	Nguyên giá theo SSKT	Giá trị còn lại theo SSKT	Số máy	Số khung	Tỷ lệ % đánh giá lại	Giá trị định giá (Giá khởi điểm)	Ghi chú
11.1	Văn phòng Đại phái thanh và truyền hình	ô tô con	UAZ (Uquai)	85P-0362	Nga	2007	2007	5	338.100.037	0	*41780B*51101233*	AB06001061	11%	30.000.000	
11.2		ô tô khách	Toyota Hiace	85F-0099	VN	1999	2000	12	380.099.400	0	IKZ-2228064	RZH114-9005377	Hết hạn SD	8.000.000	
12	Ban Dân tộc	ô tô con	SsangYong Musso	85P-0229	VN	2001	2001	7	472.919.500	0	7000002799E10.4	1029020	30%	70.000.000	
13	Trường Chính trị tỉnh	ô tô khách	Toyota Hiace	85A-000.34	VN	2001	2001	16	396.924.950	0	IRZ-2605166	RZH114-5000752	18%	42.000.000	
14	UBND huyện, thành phố														
14.1	UBND huyện, thành phố														
14	UBND huyện Thuận Bắc	ô tô con	Mazda 626	85A-00132	Nhật	1997	1997	4	452.757.000	0	FS263316	GE10S2-MH-000827	17%	70.000.000	
15	UBND huyện Ninh Sơn														
15.1	Văn phòng UBND và Văn phòng UBND	ô tô con	Mazda 323	85A-00178	Nhật	1997	2000	5	297.928.260	0	B6DP-005078	BA1163MH000564	10%	40.000.000	
15.2	UBND	ô tô khách	Toyota Hiace	85A-00255	VN	2002	2003	15	356.735.000	0	2RZ-2947404	RZH115-3000311	23%	70.000.000	
16	UBND huyện Bắc Ai	ô tô con	Ford Laser	85P-0313	VN	2002	2003	5	523.340.000	0	FP-823477	JS7XXXSRNC2A02817	12%	60.000.000	
16.1	Văn phòng Huyện ủy														
17	UBND huyện Ninh Hải														
17.1	Văn phòng UBND	ô tô con	Mazda 323	85A-00037	Nhật	1997	1999	5	318.080.000	0	B6DP-005296	BA1163MH000621	26%	75.000.000	
17.2		ô tô khách	Toyota Hiace	85F-0097	VN	2001	2001	16	398.893.000	0	IRZ-291320	RZH114-5000643	20%	50.000.000	
18	UBND TP PRTC														
18.1	Văn phòng cấp ủy và chính quyền	ô tô khách	Toyota Hiace	85F-0090	Nhật	1999	1999	12	384.790.600	0	IRZ2209435	RZH114-9005265	Hết hạn SD	8.000.000	
18.2		ô tô khách	Toyota Hiace	85F-0108	VN	2001	2002	16	370.164.900	0	IRZ-2700330	RZH114-5001314	24%	60.000.000	
19	Các Hội, Đoàn thể														
19	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	ô tô con	SsangYong Musso	85P-0272	VN	2001	2002	7	479.921.000	0	000-002808E10.4	10209023	30%	70.000.000	
20	Hội Đông y	ô tô con	Toyota Zace	85P-0247	Nhật	2001	2001	8	328.936.400	0	7K-0422520	KF3-6901994	30%	116.000.000	